

DANH SÁCH HOÀN TRẢ CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2021-2022


Stt	Lớp	Mã HS	Họ tên học sinh	Ghi chú
1	9A1	12097	Đỗ Minh Anh	
2	9A1	12098	Nguyễn Thanh Danh	
3	9A1	12099	Nguyễn Minh Đăng	
4	9A1	12105	Trần Nguyễn Quỳnh Hoa	
5	9A1	12127	Trần Hồng Thảo My	
6	9A1	12130	Lương Trà My	
7	9A1	12133	Nguyễn Ngọc Thiện Mỹ	
8	9A1	12136	Nguyễn Ngọc Nguyệt Ngân	
9	9A1	12139	Nguyễn Bùi Mỹ Ngọc	
10	9A1	12145	Ngô Quỳnh Như	
11	9A1	12148	Phạm Nguyễn Kim Quyên	
12	9A1	12151	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	
13	9A1	12154	Nguyễn Ngô Thái Sơn	
14	9A1	12161	Trần Lê Đức Thịnh	
15	9A1	12170	Trương Bảo Trâm	
16	9A1	12179	Phù Khôi Trí	
17	9A1	12180	Phạm Quang Trí	
18	9A1	24889	Lê Hà My	
19	9A10	13401	Ngô Thuý An	
20	9A10	13411	Lý Gia Ân	
21	9A10	13415	Nguyễn Chí Bảo	
22	9A10	13425	Phạm Đức Cường	
23	9A10	13428	An Mai Khánh Hà	
24	9A10	13431	Lưu Đình Hoàng	
25	9A10	13434	Huỳnh Đăng Huy	
26	9A10	13437	Nguyễn Minh Khang	
27	9A10	13446	Võ Diệp Nguyên Khôi	
28	9A10	13452	Lê Phước Ánh Linh	
29	9A10	13458	Đỗ Kim Long	
30	9A10	13461	Đặng Gia Lộc	
31	9A10	13466	Đỗ Minh Ngân	
32	9A10	13483	Vũ Vân Quỳnh	
33	9A10	13491	Phan Thái Vinh	
34	9A10	24891	Nguyễn Phan Thiên Hương	
35	9A10	47710	Trương Thiện Nhân	
36	9A10	75678	Huỳnh Lâm Minh Thanh	
37	9A2	12183	Nguyễn Trường An	
38	9A2	12189	Đoàn Thị Minh Anh	
39	9A2	12192	Lê Hoàng Phương Anh	
40	9A2	12195	Võ Ngọc Phương Anh	
41	9A2	12198	Huỳnh Hoàng Cường	
42	9A2	12201	Dương Hoàng Gia Hân	
43	9A2	12216	Mai Đăng Khôi	
44	9A2	12221	Trần Khánh Linh	
45	9A2	12230	Lê Kim Phương Nghi	
46	9A2	12234	Trần Vũ Bảo Ngọc	
47	9A2	12243	Phạm Khánh Phương	
48	9A2	12246	Nguyễn Ngọc Minh Quân	
49	9A2	12247	Đặng Trần Minh Quân	
50	9A2	12250	Nguyễn Việt Minh Quân	

Stt	Lớp	Mã HS	Họ tên học sinh	Ghi chú
51	9A2	12256	Nguyễn Vĩnh Hà Thanh	
52	9A2	12265	Mai Quốc Thịnh	
53	9A2	12281	Phan Tường Trúc Vi	
54	9A2	12284	Trần Đỗ Minh Khoa	
55	9A3	12375	Lê Nguyễn Quốc An	
56	9A3	12380	Lại Đức Anh	
57	9A3	12386	Đào Xuân Bách	
58	9A3	12413	Trần Duy Khang	
59	9A3	12416	Nguyễn Lộc Gia Khang	
60	9A3	12425	Nguyễn Vũ Xuân Khoa	
61	9A3	12428	Trần Anh Khôi	
62	9A3	12434	Châu Nhã Kỳ	
63	9A3	12443	Phạm Trần Hải Minh	
64	9A3	12449	Trần Phạm Phương Nghi	
65	9A3	12457	Nguyễn Ngọc Khánh Phương	
66	9A3	12460	Đình Anh Quân	
67	9A3	12466	Lương Nguyễn Thanh Tâm	
68	9A3	12481	Bùi Phạm Bảo Thy	
69	9A4	12709	Trần Quỳnh Anh	
70	9A4	12733	Vũ Tuấn Khang	
71	9A4	12747	Nguyễn Thị Thùy Linh	
72	9A4	12765	Nguyễn Phương Nghi	
73	9A4	12803	Lê Ngọc Thanh Trúc	
74	9A5	12829	Nguyễn Thái Nam Anh	
75	9A5	12832	Đỗ Ngọc Ánh	
76	9A5	12838	Nguyễn Ngọc Minh Châu	
77	9A5	12847	Huỳnh Lữ Thúy Hạnh	
78	9A5	12850	Đào Vương Gia Hân	
79	9A5	12856	Trần Nhật Huy	
80	9A5	12865	Nguyễn Minh Khôi	
81	9A5	12868	Phan Thị Minh Khuê	
82	9A5	12869	Trần Ngọc Phương Linh	
83	9A5	12872	Nguyễn Quý Long	
84	9A5	12879	Nguyễn Nhật My	
85	9A5	12898	Dương Nguyễn Hoàng Như	
86	9A5	12901	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	
87	9A5	12914	Nguyễn Minh Thiên	
88	9A5	12915	Trần Hưng Thịnh	
89	9A5	12918	Huỳnh Nguyễn Thuận	
90	9A6	12982	Phạm Đỗ Ân Ân	
91	9A6	12985	Trần Bảo Châu	
92	9A6	12988	Nguyễn Lê Khánh Du	
93	9A6	12994	Nguyễn Văn Phương Hùng	
94	9A6	13000	Phạm Đặng Hoàng Hữu	
95	9A6	13008	Võ Tân Khương	
96	9A6	13011	Võ Hoàng Mỹ Linh	
97	9A6	13032	Trần Huỳnh Đông Nhi	
98	9A6	13037	Nguyễn Võ Hoàng Phúc	
99	9A6	13040	Dương Ngọc Minh Phúc	
100	9A6	13043	Lê Trần Thanh Phúc	
101	9A6	13044	Trần Nguyễn Nam Phương	
102	9A6	13050	Châu Anh Quân	
103	9A6	13055	Đoàn Trần Gia Thanh	
104	9A6	13082	Vũ Huỳnh Uyên Tường	
105	9A7	13106	Đặng Quốc Chí	
106	9A7	13118	Võ Phạm Trường Giang	

Stt	Lớp	Mã HS	Họ tên học sinh	Ghi chú
107	9A7	13125	Nguyễn Phan Thu Hiền	
108	9A7	13130	Bạch Bảo Khang	
109	9A7	13150	Đặng Nguyễn	
110	9A7	13156	Trần Gia Phú	
111	9A7	13159	Đinh Thụy Diễm Quỳnh	
112	9A7	13162	Trần Minh Tâm	
113	9A7	13170	Lê Quang Trí	
114	9A7	13182	Châu Chí Tường	
115	9A7	17010	Thái Minh Quang	
116	9A7	24896	Nguyễn Lê Khôi Hiếu	
117	9A7	24899	Lương Quốc Khang	
118	9A7	24902	Nguyễn Đặng Kim Khánh	
119	9A7	75682	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	
120	9A8	13197	Nguyễn Minh Quốc An	
121	9A8	13202	Trần Nguyễn Nhật Anh	
122	9A8	13216	Hồ Trần Niên Hạ	
123	9A8	13224	Khả Đặng Quang Hiếu	
124	9A8	13227	Lưu Gia Hưng	
125	9A8	13241	Nguyễn Gia Linh	
126	9A8	13251	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	
127	9A8	13290	Ngô Nguyễn Kỳ Viên	
128	9A9	13305	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	
129	9A9	13307	Hoàng Văn Anh	
130	9A9	13315	Nguyễn Duy Dương	
131	9A9	13317	Lê Quang Anh Đức	
132	9A9	13323	Phạm Duy Hiền	
133	9A9	13326	Lê Phạm Khải Hoàn	
134	9A9	13331	Phạm Nguyễn Gia Huy	
135	9A9	13334	Nguyễn Minh Khang	
136	9A9	13337	Hoàng Nguyên Khánh	
137	9A9	13340	Nguyễn Tiến Khoa	
138	9A9	13343	Nguyễn Việt Khuê	
139	9A9	13349	Nguyễn Trần Nhật Linh	
140	9A9	13352	Trần Hoàng Bảo Minh	
141	9A9	13358	Nguyễn Khoa Nguyên	
142	9A9	13361	Lê Thành Phát	
143	9A9	13364	Vương Ngọc Quyên	
144	9A9	13370	Trịnh Ngọc Phương Thảo	
145	9A9	13372	Hoàng Minh Thắng	
146	9A9	13386	Trang Minh Trí	
147	9A9	13389	Nguyễn Quốc Uy	
148	9A9	47707	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	

Tân Bình, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập bảng



Nguyễn Hoàng Anh Khoa

HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 NGUYỄN GIA THIẾT
 NGUYỄN XUÂN ĐẮC

